

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**  
**đã được kiểm toán**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 42

0  
11

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang (tên cũ là Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Bóng đèn Điện Quang theo quyết định số 127/QĐ-BCN ngày 10 tháng 01 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300363808 (số cũ 4103003095) đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 02 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 20 ngày 20 tháng 01 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán các loại bóng đèn, ballast, starte, dây điện, trang thiết bị chiếu sáng: ống thủy tinh và sản phẩm thủy tinh các loại;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, phụ tùng thiết bị chiếu sáng, thiết bị dân dụng và công nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện, hệ thống điện chiếu sáng trong các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện trung – hạ thế, hệ thống chiếu sáng công cộng, công nghiệp, dân dụng, hệ thống điện lạnh, phòng cháy chữa cháy và cấp thoát nước, hệ thống điện tự động hóa, hệ thống điện thông tin;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo nghề.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121 – 123 – 125 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các Công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Bóng đèn Điện Quang	Mua bán, sản xuất linh kiện điện tử ...	25.272.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	Mua bán, sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị điện...	176.271.000.000	100%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điện Quang	Mua bán, lắp đặt thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện, điện tử. Lắp đặt hệ thống điện ...	10.000.000.000	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng...	6.000.000.000	51%
Công ty TNHH MTV Điện Quang thông minh	Tư vấn, thiết kế xây dựng công trình công nghệ thông tin...	6.000.000.000	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Quasarlum	Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng, thiết kế trang trí nội thất....	3.000.000.000	100%

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Điện Quang	Lô A Đường số 1 khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hoà, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất	42%
Công ty Cổ phần 4P	121-123-125 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại	49,19%

### Các đơn vị trực thuộc:

- Chi Nhánh Đèn ống – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang
- Chi Nhánh Ống thủy tinh – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang
- Chi nhánh Đồng An – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang
- Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang - TTPP và BH Bắc MêKông
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang - TTPP và BH Trung Trung Bộ

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

### Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Quỳnh Hưng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thái Nga	Thành viên
Ông Dương Hồ Thắng	Thành viên
Ông Hồ Vĩnh Phương	Thành viên
Bà Trần Thị Ngà Huế	Thành viên

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Toàn	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thái Nga	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Công Tuấn Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 09 tháng 09 năm 2025
Ông Dương Hồ Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 19 tháng 05 năm 2025
Bà Nguyễn Thái Quỳnh Lê	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

### Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng ban
Ông Ngô Đức Thọ	Thành viên
Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên

### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 09 tháng 12 năm 2025 là Ông Hồ Quỳnh Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 10 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quốc Toàn – Tổng Giám đốc.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.



Số: 20-2/BCSX/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**

**Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 8 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như Thuyết minh tại mục V.2 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang (Công ty con) đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư 100% cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Xelex với số tiền 21.250.000.000 đồng và ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản đầu tư 21.250.000.000 VND này chưa được đối chiếu xác nhận và chúng tôi cũng chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024 và 2025 của Công ty Cổ phần Công nghệ Xelex. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi chưa có cơ sở để đánh giá và ước tính được chi phí dự phòng đầu tư tài chính phải trích lập trong năm (nếu có). Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và tính đúng đắn của việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư đối với khoản đầu tư này trong năm, cũng như không xác định được mức độ ảnh hưởng, các điều chỉnh cần thiết (nếu có) và các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2024 và năm 2025.

Như trình bày tại mục V.6 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã thu hồi được 8.000.000.000 VND làm giảm chi phí trích lập dự phòng đối với khoản trả trước cho người bán của 2 công ty như sau:

- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa Bình An số tiền là 22.200.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 26.000.000.000 VND);
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tín Phát Plastic số tiền là 19.800.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.000.000.000 VND).

Cho đến ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi không được cung cấp các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến quá trình công ty làm việc với nhà cung cấp hoặc với các cơ quan có thẩm quyền để thu hồi công nợ đã ứng trước nêu trên, cũng như không thu thập được biên bản đối chiếu xác nhận nợ. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của số dư khoản ứng trước và tính đúng đắn của việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản ứng trước này cũng như không xác định được mức độ ảnh hưởng, các điều chỉnh cần thiết (nếu có) và các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm 2025 và 2024.

Như trình bày tại mục V.6 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản phải thu khách hàng là Công ty TNHH Tăng Tốc số tiền 47.558.925.815 VND. Cho đến ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi không được cung cấp các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến quá trình công ty làm việc với khách hàng hoặc với các cơ quan có thẩm quyền để thu hồi công nợ phải thu nêu trên. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản phải thu khách hàng này cũng như không xác định được mức độ ảnh hưởng, các điều chỉnh cần thiết (nếu có) và các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm 2025 và 2024.

Như Thuyết minh tại mục V.15 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang (Công ty con) có khoản chi phí phải trả ngắn hạn số tiền 31.051.817.797 đồng trong đó trích trước chi phí phải trả cho Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại Chánh Phúc số tiền 29.975.908.706 đồng liên quan đến hợp đồng về Gói thầu: Thiết kế và thi công nhà xưởng và nhà văn phòng thuộc Dự án: Nghiên cứu và sản xuất các thiết bị chiếu sáng, chip led siêu sáng và thiết bị điện tử công nghệ cao. Đến thời điểm ký báo cáo này Công ty chưa hoàn tất được hồ sơ để quyết toán giá trị vốn đầu tư công trình hoàn thành của dự án này. Trong năm 2025, Công ty đã loại trừ chi phí đối với phần khấu hao tài sản cố định tăng thêm tương ứng đồng thời đã bù trừ chi phí phải trả ngắn hạn này với khoản phải thu khác do chi hộ (Thuyết minh V.5) và trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.4) theo Quyết định của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang số 153/QĐ-DQH ngày 31 tháng 12 năm 2025. Với những hồ sơ được cung cấp, chúng tôi không xác định được tính chính xác và phù hợp của khoản chi phí phải trả ngắn hạn nêu trên, nguyên giá và khấu hao tài sản cố định tăng tương ứng với phần chi phí phải trả ngắn hạn này, cũng như không xác định được mức độ ảnh hưởng, các điều chỉnh cần thiết (nếu có) và các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2024.

#### **Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán số 1607.01.04/2024/BCTC-NTV2 ngày 05 tháng 04 năm 2025. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

- Ngoại trừ về tính hiện hữu của số dư khoản ứng trước cho người bán là Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa Bình An số tiền là 26.000.0000.000 VND; Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tín Phát Plastic số tiền là 24.000.0000.000 VND và tính đúng đắn của việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản ứng trước này và khoản phải thu khách hàng là Công ty TNHH Tăng Tốc số tiền 47.558.925.815 VND; cũng như không xác định được mức độ ảnh hưởng, các điều chỉnh cần thiết (nếu có) và các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2024.

- Đối với Báo cáo tài chính Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang (Công ty con):

+ Ngoại trừ về tính hiện hữu và không đánh giá được liệu có phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Xelex với số tiền là 21.250.000.000 VND, cũng như không xác định được mức độ ảnh hưởng, các điều chỉnh cần thiết (nếu có) và các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2024.

+ Ngoại trừ về tính chính xác và phù hợp của khoản chi phí phải trả ngắn hạn với số tiền 31.051.817.797 đồng trong đó trích trước chi phí phải trả cho Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại Chánh Phúc số tiền 29.975.908.706 đồng liên quan đến hợp đồng về Gói thầu: Thiết kế và thi công nhà xưởng và nhà văn phòng thuộc Dự án: "Nghiên cứu và sản xuất các thiết bị chiếu sáng, chip led siêu sáng và thiết bị điện tử công nghệ cao", cũng như nguyên giá và khấu hao tài sản cố định tăng tương ứng với phần chi phí phải trả ngắn hạn này. Đồng thời, chúng tôi không xác định được mức độ ảnh hưởng, các điều chỉnh cần thiết (nếu có) và các yếu tố có liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2837-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Kiểm toán viên

Lê Bảo Ngọc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3906-2022-152-1



11-01-2026 13:11

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>727.056.650.656</b>	<b>763.105.716.541</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>38.354.824.229</b>	<b>35.571.943.138</b>
1. Tiền	111		37.839.145.096	35.571.943.138
2. Các khoản tương đương tiền	112		515.679.133	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120	V.2	<b>75.239.902.391</b>	<b>57.426.300.030</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.433.160.447	9.433.160.447
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65.806.741.944	47.993.139.583
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>269.943.000.008</b>	<b>339.215.887.230</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	256.186.779.520	333.604.621.555
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	110.564.494.875	104.527.709.112
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	14.483.708.986	17.015.933.248
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(111.487.005.563)	(116.228.750.265)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		195.022.190	296.373.580
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.7	<b>296.781.789.775</b>	<b>289.143.563.858</b>
1. Hàng tồn kho	141		311.136.499.943	301.967.555.840
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.354.710.168)	(12.823.991.982)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>46.737.134.253</b>	<b>41.748.022.285</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	11.014.443.308	9.295.409.534
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.756.742.756	16.740.507.974
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	11.965.948.189	15.712.104.777
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>404.396.725.236</b>	<b>446.811.665.364</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		<b>3.034.804.769</b>	<b>1.350.513.475</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	3.034.804.769	1.350.513.475
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>284.801.113.710</b>	<b>306.890.539.499</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	203.943.567.191	216.166.407.250
- Nguyên giá	222		440.439.326.040	458.076.208.567
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(236.495.758.849)	(241.909.801.317)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	80.857.546.519	90.724.132.249
- Nguyên giá	228		98.182.566.067	106.848.644.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.325.019.548)	(16.124.512.658)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		<b>3.227.621.459</b>	<b>3.193.378.542</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3.227.621.459	3.193.378.542
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.2	<b>111.595.353.433</b>	<b>131.074.131.136</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		32.892.014.007	30.574.266.626
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		117.566.600.000	117.566.600.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(38.863.260.574)	(17.091.735.490)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	25.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>1.737.831.865</b>	<b>4.303.102.712</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.737.831.865	4.303.102.712
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.131.453.375.892</b>	<b>1.209.917.381.905</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>351.357.516.596</b>	<b>431.280.102.337</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>347.713.131.456</b>	<b>425.395.178.374</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	91.162.246.164	100.378.732.845
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	27.880.985.835	6.423.655.282
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.244.120.206	2.021.425.957
4. Phải trả người lao động	314		8.789.523.255	8.934.889.743
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	25.754.851.304	40.927.487.260
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	9.680.000	4.001.246.869
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	23.634.336.765	22.009.124.419
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	87.945.720.750	158.426.682.278
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	4.137.597.639	2.862.667.744
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		77.154.069.538	79.409.265.977
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.644.385.140</b>	<b>5.884.923.963</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		239.000.000	239.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	-	3.845.923.963
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	3.405.385.140	1.800.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>780.095.859.296</b>	<b>778.637.279.568</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>775.007.328.830</b>	<b>773.548.749.102</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		343.594.160.000	343.594.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		343.594.160.000	343.594.160.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		344.394.675.475	344.394.675.475
3. Cổ phiếu quỹ	415		(167.011.563.046)	(167.011.563.046)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		325.219.046.278	324.898.570.082
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(83.696.188.087)	(85.820.384.822)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(87.092.119.424)	36.743.848.185
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.395.931.337	(122.564.233.007)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.507.198.210	13.493.291.413
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>		<b>5.088.530.466</b>	<b>5.088.530.466</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.22	5.088.530.466	5.088.530.466
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.131.453.375.892</b>	<b>1.209.917.381.905</b>

Người lập biểu



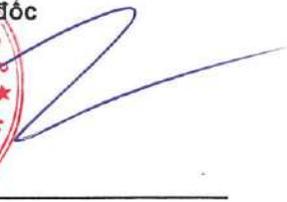
Nguyễn Thị Bích Ái

Kế toán trưởng



Lê Thị Kim Chi

Tổng Giám đốc

Trần Quốc Toàn

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	929.191.193.705	824.040.711.992
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.437.038.650	10.412.679.905
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	919.754.155.055	813.628.032.087
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	720.141.067.014	629.273.657.582
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		199.613.088.041	184.354.374.505
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	6.108.019.460	9.282.485.040
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	31.072.901.302	28.242.333.991
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.676.767.990	6.059.314.583
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.514.747.381	1.212.370.578
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	121.645.400.560	104.677.919.537
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	59.112.509.856	185.511.607.638
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.594.956.836)	(123.582.631.043)
12. Thu nhập khác	31	VI.8	18.131.505.108	3.045.165.829
13. Chi phí khác	32	VI.9	104.588.823	296.998.748
14. Lợi nhuận khác	40		18.026.916.285	2.748.167.081
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.431.959.449	(120.834.463.962)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	8.958.869.397	1.049.220.974
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	1.605.385.140	22.791.712
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.867.704.912	(121.906.476.648)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		3.395.931.337	(122.564.233.007)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.471.773.575	657.756.359
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	123	(4.447)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ái

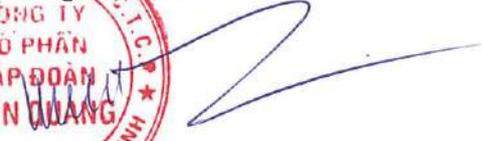
Kế toán trưởng



Lê Thị Kim Chi



Tổng Giám đốc



Trần Quốc Toàn

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.431.959.449	(120.834.463.962)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	23.056.908.647	26.953.392.753
- Các khoản dự phòng	03	19.835.428.463	128.074.389.619
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(24.748.226)	134.692.890
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23.529.029.214)	(8.839.250.686)
- Chi phí lãi vay	06	7.676.767.990	6.059.314.583
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	42.447.287.109	31.548.075.197
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	69.004.676.825	89.601.906.966
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(9.168.944.103)	45.363.287.254
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(10.155.884.163)	(19.672.987.311)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	846.237.073	4.236.645.883
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.735.157.335)	(6.251.549.907)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.171.581.600)	(1.017.224.092)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.120.409.000)	(4.284.473.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>75.946.224.806</b>	<b>139.523.680.490</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(9.667.804.615)	(1.043.832.074)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	26.428.454.545	2.868.181.819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(59.369.368.100)	(43.444.199.630)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	41.580.765.739	43.286.474.733
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(49.966.000.000)
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.481.300.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	3.602.877.150	30.133.366.135
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>2.574.924.719</b>	<b>(12.684.709.017)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	266.196.751.446	375.665.341.413
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(340.523.636.937)	(463.915.422.837)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.543.904.922)	(25.524.315.183)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(75.870.790.413)</b>	<b>(113.774.396.607)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>2.650.359.112</b>	<b>13.064.574.866</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	35.571.943.138	22.587.123.978
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	132.521.979	(79.755.706)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>38.354.824.229</b>	<b>35.571.943.138</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Ái

Kế toán trưởng



Lê Thị Kim Chi



Tổng Giám đốc

Trần Quốc Toàn

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang (tên cũ là Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Bóng đèn Điện Quang theo quyết định số 127/QĐ-BCN ngày 10 tháng 01 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300363808 (số cũ 4103003095) đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 02 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 20 ngày 20 tháng 01 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 262 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 262 người).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán các loại bóng đèn, ballast, starte, dây điện, trang thiết bị chiếu sáng; ống thủy tinh và sản phẩm thủy tinh các loại;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, phụ tùng thiết bị chiếu sáng, thiết bị dân dụng và công nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện, hệ thống điện chiếu sáng trong các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện trung – hạ thế, hệ thống chiếu sáng công cộng, công nghiệp, dân dụng, hệ thống điện lạnh, phòng cháy chữa cháy và cấp thoát nước, hệ thống điện tự động hóa, hệ thống điện thông tin;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo nghề.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

##### a) Các Công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Bóng đèn Điện Quang	Đường số 1, Khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hoà, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán, sản xuất linh kiện điện tử ...	25.272.000.000	100%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang	Lô HT-2-2, Đường D2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán, sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị điện...	176.271.000.000	100%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điện Quang	125 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán, lắp đặt thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện, điện tử. Lắp đặt hệ thống điện ...	10.000.000.000	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Điện Quang	121-123-125 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, xây lắp, bảo trì hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng ...	6.000.000.000	51%
Công ty TNHH MTV Điện Quang thông minh	121-123-125 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, thiết kế xây dựng công trình công nghệ thông tin...	6.000.000.000	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Quasarlum	121-123-125 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh	Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng, thiết kế trang trí nội thất....	3.000.000.000	100%

b) Các Công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Điện Quang	Lô A Đường số 1 khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất	42%
Công ty Cổ phần 4P	121-123-125 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại	49,19%

c) Các đơn vị trực thuộc

- Chi Nhánh Đèn ống – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang
- Chi Nhánh Ống thủy tinh – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang
- Chi nhánh Đồng An – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang
- Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang - TTPP và BH Bắc MêKông
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang - TTPP và BH Trung Trung Bộ

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4.  
TY  
+  
A  
↓  
CX

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở hợp nhất**

**Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

**Các công ty liên kết và liên doanh**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Tổng Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Tổng Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho các đơn vị nhận đầu tư.

**Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 05 năm
- Phương tiện vận tải	03 – 05 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 03 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	02 – 15 năm
- Quyền sử dụng đất	45 năm
- Bản quyền phần mềm	03 – 05 năm
- Phần mềm máy tính	05 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Nhóm Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa từ 0.5% - 2% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
  - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
  - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**20. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**22. Sử dụng các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.
- Chi phí phải trả.
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	2.106.476.757	277.213.892
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.732.668.339	35.294.729.246
Các khoản tương đương tiền (*)	515.679.133	-
<b>Cộng</b>	<b>38.354.824.229</b>	<b>35.571.943.138</b>

(\*) Là khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại cổ phần có thời hạn đáo hạn ban đầu dưới 3 tháng, hưởng lãi suất 2,9%/năm.

03  
K  
1/11

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

2. Đầu tư tài chính  
a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng	Số lượng cổ phiếu
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>		<b>433.160.447</b>	<b>1.306.414.000</b>	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	22.719	433.136.656	1.306.342.500	15.197
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2	23.791	71.500	2
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>		<b>9.000.000.000</b>		
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định	562.500	9.000.000.000	(*)	562.500
<b>Cộng</b>	<b>585.221</b>	<b>9.433.160.447</b>		<b>577.699</b>
				<b>9.433.160.447</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không xác định giá trị hợp lý do các công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

- b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	65.806.741.944	65.806.741.944	47.993.139.583	47.993.139.583
	65.806.741.944	65.806.741.944	47.993.139.583	47.993.139.583
<b>Dài hạn</b>				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	-	25.000.000	25.000.000
	-	-	25.000.000	25.000.000
<b>Cộng</b>	<b>65.806.741.944</b>	<b>65.806.741.944</b>	<b>48.018.139.583</b>	<b>48.018.139.583</b>

(i) Là tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng và không quá 12 tháng, hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 7,9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là từ 3,2%/năm đến 5,7%/năm).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**2. Đầu tư tài chính (tiếp theo)**

**c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ %	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ %	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Điện Quang	42,00%	11.970.000.000	32.892.014.007	42,00%	11.970.000.000	30.574.266.626
Công ty Cổ phần 4P	49,19%	3.335.000.000	-	49,19%	3.335.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>15.305.000.000</b>	<b>32.892.014.007</b>		<b>15.305.000.000</b>	<b>30.574.266.626</b>

**d. Đầu tư vào công ty khác**

	31/12/2025			01/01/2025				
	Số lượng cổ phần	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phần	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	4.104.600	45.150.600.000	49.665.660.000	-	4.104.600	45.150.600.000	59.927.160.000	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Xelex (i)	625.000	21.250.000.000	-	(21.250.000.000)	625.000	21.250.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare (ii)	5.810.000	49.966.000.000	33.552.739.426	(16.413.260.574)	5.810.000	49.966.000.000	34.074.264.510	(15.891.735.490)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đầu tư AP	-	1.200.000.000	-	(1.200.000.000)	-	1.200.000.000	-	(1.200.000.000)
<b>Cộng</b>		<b>117.566.600.000</b>	<b>(38.863.260.574)</b>		<b>117.566.600.000</b>	<b>(17.091.735.490)</b>		

(i) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315224733 ngày 15 tháng 08 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, số cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Công nghệ Xelex là 12.500.000 cổ phần. Trong năm 2022 Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ cao Điện Quang đã nhận chuyển nhượng phần vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Xelex từ đối tác khác để nắm giữ 625.000 cổ phần tương đương 5% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản đầu tư này chưa được đối chiếu xác nhận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Giám đốc công ty đánh giá không thể thu hồi khoản đầu tư này, nên đã ước tính dự phòng tổn thất 100% cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Xelex.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(ii) Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 19,37% tương ứng 5.810.000 cổ phần, giá trị cổ phần theo mệnh giá là 58.100.000.000 VND. Công ty đã nhận chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng số 236./2024/HDCNC ngày 20 tháng 3 năm 2024.

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không xác định giá trị hợp lý do các công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Tăng Tốc	47.558.925.815	47.558.925.815
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Cơ Điện Phan Gia	35.517.703.624	35.932.586.832
Các đối tượng khác (*)	173.110.150.081	250.113.108.908
<b>Cộng</b>	<b>256.186.779.520</b>	<b>333.604.621.555</b>

(\*) Không có đối tượng nào có số dư từ 10% trở lên trên tổng số dư.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa Bình An	22.200.000.000	26.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Tín Phát Plastic	19.800.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thuận An	16.743.495.300	16.743.495.300
Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại Chánh Phúc (*)	-	13.830.204.804
Khác (**)	51.820.999.575	23.954.009.008
<b>Cộng</b>	<b>110.564.494.875</b>	<b>104.527.709.112</b>

(\*) Đây là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại Chánh Phúc theo Hợp đồng số 19/2017/HĐKT ngày 16/05/2017 về "Gói thầu: Thiết kế và thi công Thuộc dự án: Nghiên cứu và sản xuất các thiết bị chiếu sáng, chip led siêu sáng và thiết bị điện tử công nghệ cao" và Phụ lục số 06A ngày 12/10/2018. Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng theo Biên bản nghiệm thu Hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 20 tháng 3 năm 2022. Trong năm, Công ty đã bù trừ giảm khoản trả trước cho người bán ngắn hạn này và chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh V.15) theo Quyết định của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang số 153/QĐ-DQH ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(\*\*) Không có đối tượng nào có số dư từ 10% trở lên trên tổng số dư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**5. Phải thu khác**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
<b>Ngắn hạn - Bên thứ ba</b>	<b>14.483.708.986</b>	<b>17.015.933.248</b>
Phải thu người lao động	8.977.252.612	6.087.267.821
Phải thu Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.236.094	19.853.571
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.549.948.724	202.622.600
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	521.671.595	673.676.955
Phải thu chi hộ nhà thầu Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại Chánh Phúc	-	8.751.217.732
Phải thu ngắn hạn khác	2.430.599.961	1.281.294.569
<b>Dài hạn - Bên thứ ba</b>	<b>3.034.804.769</b>	<b>1.350.513.475</b>
Ký quỹ ký cược dài hạn	993.582.220	1.339.570.735
Ký quỹ LC dài hạn	2.041.222.549	-
Phải thu dài hạn khác	-	10.942.740
<b>Cộng</b>	<b><u>17.518.513.755</u></b>	<b><u>18.366.446.723</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, ngoài các khoản nợ khó đòi đã được trình bày tại mục V.6 thì không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>31/12/2025</u>		<u>01/01/2025</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Tăng Tốc (i)	47.558.925.815	(47.558.925.815)	47.558.925.815	(47.558.925.815)
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa Bình An (ii)	22.200.000.000	(22.200.000.000)	26.000.000.000	(26.000.000.000)
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Tín Phát Plastic (iii)	19.800.000.000	(19.800.000.000)	24.000.000.000	(24.000.000.000)
PDVSA Industrial S.A	8.818.821.475	(8.818.821.475)	8.818.821.475	(8.818.821.475)
Công ty Cổ Phần Hưng Thịnh Incons	8.699.926.084	(7.662.555.456)	8.699.926.084	(5.401.481.547)
Công ty TNHH Trung Tâm Thể Dục Thể Hình và Yoga California	2.497.552.092	(1.748.286.464)	2.497.552.092	(1.248.776.046)
Công ty TNHH Công nghệ Nylect (Myanmar)	2.162.585.265	(2.162.585.265)	2.162.585.265	(2.162.585.265)
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Bách Chiến	642.833.000	(642.833.000)	642.833.000	(642.833.000)
Công ty TNHH Trung Tâm Thể Dục Thể Hình và Yoga California - Chi nhánh Hà Nội	312.632.296	(218.842.607)	312.632.296	(93.789.581)
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Asc	140.084.316	(140.084.316)	140.084.316	(140.084.316)
Các đối tượng khác	535.057.750	(534.071.165)	535.057.750	(161.453.220)
<b>Cộng</b>	<b><u>113.368.418.093</u></b>	<b><u>(111.487.005.563)</u></b>	<b><u>121.368.418.093</u></b>	<b><u>(116.228.750.265)</u></b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Ngày 31/12/2024, Công ty đã thành lập hội đồng thẩm định trích lập dự phòng và đánh giá tổn thất (thành phần bao gồm: Tổng Giám đốc – Chủ tịch hội đồng và 4 thành viên là Kế toán trưởng, Giám đốc KHV, Trưởng ban quản trị ERP và Giám đốc QA). Biên bản họp hội đồng đã đánh giá xử lý tổn thất đối với khoản trả trước cho người bán và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản phải thu khách hàng. Cụ thể như sau:

- (i) Đây là khoản nợ phải thu phát sinh từ năm 2019 với tổng số nợ là: 317.789.809.863 đồng, Công ty đã thu hồi được 270.230.884.048 đồng, (trong đó: năm 2019:109.000.000.000 đồng; năm 2020: 20.500.000.000 đồng; năm 2021: 14.397.690.000 đồng; năm 2022: 71.297.558.000 đồng; 2023: 0 đồng; năm 2024: 55.035.636.048 đồng ). Ngày 31/12/2024, Công ty đã trích lập dự phòng 100% nợ phải thu khó đòi đối với khoản phải thu của Công ty TNHH Tăng Tốc số tiền 47.558.925.815 VND và cơ sở trích lập dự phòng là "khách hàng mất khả năng thanh toán, công ty không hoạt động tại địa chỉ đăng ký".
- (ii) Đây là khoản trả trước từ ngày 18/11/2022 theo Hợp đồng mua bán số 01/HĐMB/BÌNH AN-ĐIỆN QUANG/2022 ngày 10/11/2022 giữa Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa Bình An và Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang) về việc mua Hạt LLDPE Q1018N và Hạt LDPE LD2420D Thái Lan, với giá trị hợp đồng là 28.994.487.500 đồng (đã bao gồm thuế GTGT là 10%); theo hợp đồng mua bán: Thời gian giao hàng: theo yêu cầu giao hàng được hai bên xác nhận và Bên A nhận được giá trị tạm ứng; Phụ lục hợp đồng số 01 năm 2022 ngày 10/11/2022 về việc thay đổi thời gian giao hàng chậm nhất là ngày 31/12/2023; Phụ lục Hợp đồng số 2 ngày 01/01/2024 về việc thay đổi thời gian giao hàng chậm nhất đến ngày 31/12/2024. Ngày 31/12/2024, Công ty đã đánh giá xử lý tổn thất đối với khoản trả trước cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa Bình An số tiền 26.000.000.000 VND theo tỷ lệ 100% và cơ sở xử lý là "Nhà cung cấp đã ngừng hoạt động, không có khả năng trả lại số tiền công ty đã ứng trước". Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã thu được số tiền 3.800.000.000 VNĐ.
- (iii) Đây là khoản trả trước từ ngày 18/11/2022 theo Hợp đồng mua bán số 01/HĐMB/TÍN PHÁT-ĐIỆN QUANG/2022 ngày 10/11/2022 giữa Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tín Phát Plastic và Công ty Cổ phần Bóng đèn Điện Quang (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang) về việc mua Hạt LLDPE Q1018N và Hạt LDPE LD2420D Thái Lan, với giá trị hợp đồng là 27.447.750.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT là 10%); theo hợp đồng mua bán: Thời gian giao hàng: Theo yêu cầu giao hàng được hai bên xác nhận và Bên A nhận được giá trị tạm ứng; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/11/2022 về việc thay đổi thời gian giao hàng chậm nhất là ngày 31/12/2023; Phụ lục Hợp đồng số 2 ngày 01/01/2024 về việc thay đổi thời gian giao hàng chậm nhất đến ngày 31/12/2024. Ngày 31/12/2024, Công ty đã đánh giá xử lý tổn thất đối với khoản trả trước cho Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tín Phát Plastic số tiền 24.000.000.000 VND theo tỷ lệ 100% và cơ sở xử lý là "Nhà cung cấp đã ngừng hoạt động, không có khả năng trả lại số tiền công ty đã ứng trước". Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã thu được số tiền 4.200.000.000 VNĐ.

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi
Số đầu năm	(116.228.750.265)
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.258.255.298)
Hoàn nhập dự phòng	8.000.000.000
Số cuối năm	<u>(111.487.005.563)</u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**7. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2025</b>		<b>01/01/2025</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Hàng mua đang đi đường	1.718.684.651	-	1.945.612.323	-
Nguyên liệu, vật liệu	130.009.057.316	(8.781.947.390)	117.872.470.839	(5.487.359.026)
Công cụ, dụng cụ	1.629.928.109	-	877.915.127	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.666.695.197	-	32.215.385.929	-
Thành phẩm	61.043.086.258	(1.867.150.312)	54.848.174.158	(2.002.506.908)
Hàng hoá	100.069.048.412	(3.705.612.466)	94.207.997.464	(5.334.126.048)
<b>Cộng</b>	<b>311.136.499.943</b>	<b>(14.354.710.168)</b>	<b>301.967.555.840</b>	<b>(12.823.991.982)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	(12.823.991.982)	(7.222.110.316)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.655.697.409)	(5.601.881.666)
Hoàn nhập dự phòng	3.124.979.223	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(14.354.710.168)</b>	<b>(12.823.991.982)</b>

**8. Chi phí trả trước**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>11.014.443.308</b>	<b>9.295.409.534</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	819.399.283	1.100.864.809
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.195.044.025	8.194.544.725
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.737.831.865</b>	<b>4.303.102.712</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.608.303.554	2.664.183.413
Chi phí trả trước dài hạn khác	129.528.311	1.638.919.299
<b>Cộng</b>	<b>12.752.275.173</b>	<b>13.598.512.246</b>

21:  
 ĐN  
 TN  
 M  
 J  
 P

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	171.031.175.753	125.859.133.619	30.191.480.840	55.067.112.720	75.927.305.635	458.076.208.567
Mua sắm mới	-	1.254.468.750	1.597.923.191	-	6.781.169.757	9.633.561.698
Thanh lý, nhượng bán	16.359.842.225	6.063.675.871	4.068.442.609	778.483.520	-	27.270.444.225
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>154.671.333.528</b>	<b>121.049.926.498</b>	<b>27.720.961.422</b>	<b>54.288.629.200</b>	<b>82.708.475.392</b>	<b>440.439.326.040</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	55.768.156.479	105.582.634.789	26.395.184.183	34.389.980.397	19.773.845.469	241.909.801.317
Khấu hao trong năm	4.491.577.946	6.593.075.309	1.046.579.512	4.126.424.524	5.598.744.466	21.856.401.757
Thanh lý, nhượng bán	16.359.842.225	6.063.675.871	4.068.442.609	778.483.520	-	27.270.444.225
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>43.899.892.200</b>	<b>106.112.034.227</b>	<b>23.373.321.086</b>	<b>37.737.921.401</b>	<b>25.372.589.935</b>	<b>236.495.758.849</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	115.263.019.274	20.276.498.830	3.796.296.657	20.677.132.323	56.153.460.166	216.166.407.250
Tại ngày cuối năm	110.771.441.328	14.937.892.271	4.347.640.336	16.550.707.799	57.335.885.457	203.943.567.191

31/12/2025 01/01/2025

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay  
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 16.114.377.905 20.156.453.174  
95.424.664.344 96.106.014.778

**BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	93.213.670.545	13.634.974.362	106.848.644.907
Số tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	8.666.078.840	-	8.666.078.840
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>84.547.591.705</b>	<b>13.634.974.362</b>	<b>98.182.566.067</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.746.738.296	11.377.774.362	16.124.512.658
Khấu hao trong năm	379.706.890	820.800.000	1.200.506.890
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.126.445.186</b>	<b>12.198.574.362</b>	<b>17.325.019.548</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	88.466.932.249	2.257.200.000	90.724.132.249
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>79.421.146.519</b>	<b>1.436.400.000</b>	<b>80.857.546.519</b>
		<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		9.530.974.362	9.530.974.362

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2025	01/01/2025
Mua sắm tài sản	343.050.000	-
Chi phí xây dựng nhà máy ở khu công nghệ cao	2.884.571.459	2.985.728.792
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	207.649.750
<b>Cộng</b>	<b>3.227.621.459</b>	<b>3.193.378.542</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Bên thứ ba</b>	<b>81.671.457.148</b>	<b>81.671.457.148</b>	<b>85.373.859.131</b>	<b>85.373.859.131</b>
Phải trả người bán trong nước	62.973.187.710	62.973.187.710	53.012.768.087	53.012.768.087
Phải trả người bán nước ngoài	18.698.269.438	18.698.269.438	32.361.091.044	32.361.091.044
<b>Bên liên quan (Thuyết minh VIII.3)</b>	<b>9.490.789.016</b>	<b>9.490.789.016</b>	<b>15.004.873.714</b>	<b>15.004.873.714</b>
<b>Cộng</b>	<b>91.162.246.164</b>	<b>91.162.246.164</b>	<b>100.378.732.845</b>	<b>100.378.732.845</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản phải trả người bán nào quá hạn thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
<b>Bên thứ ba</b>		
NINGBO OSDA SOLAR CO.,LTD	3.769.211.280	-
CAMBODIA AIRPORT INVESTMENT CO., LTD	3.390.242.945	-
SHYFT GLOBAL, LLC	3.014.779.959	-
Các đối tượng khác (*)	17.706.751.651	6.423.655.282
<b>Cộng</b>	<b><u>27.880.985.835</u></b>	<b><u>6.423.655.282</u></b>

(\*) Không có đối tượng nào có số dư nợ chiếm trên 10% tổng số dư nợ.

**14. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu nhà nước**

	<u>01/01/2025</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp/ hoàn trong năm</u>	<u>31/12/2025</u>
<b>a) Phải nộp</b>	<b>2.021.425.957</b>	<b>39.807.510.906</b>	<b>40.584.816.657</b>	<b>1.244.120.206</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.021.425.957	6.229.835.432	7.007.141.183	1.244.120.206
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	33.257.079.558	33.257.079.558	-
Các loại thuế khác	-	320.595.916	320.595.916	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>15.712.104.777</b>	<b>12.828.545.078</b>	<b>9.082.388.490</b>	<b>11.965.948.189</b>
Thuế xuất nhập khẩu	82.972.777	553.594.912	623.720.624	153.098.489
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.407.671.155	8.958.869.397	5.171.581.600	7.620.383.358
Thuế thu nhập cá nhân	4.221.460.845	3.316.080.769	3.287.086.266	4.192.466.342

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
<b>Bên thứ ba</b>		
Trích trước chi phí xây dựng nhà xưởng, văn phòng công nghệ cao (*)	8.470.395.261	31.051.817.797
Chi phí hỗ trợ bảo hành, chi phí chiết khấu	11.621.380.637	2.526.132.868
Chi phí lãi vay phải trả	178.761.486	286.255.790
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.484.313.920	7.063.280.805
<b>Cộng</b>	<b><u>25.754.851.304</u></b>	<b><u>40.927.487.260</u></b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản chi phí phải trả ngắn hạn số tiền 31.051.817.797 đồng trong đó trích trước chi phí phải trả cho Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại Chánh Phúc số tiền 29.975.908.706 đồng liên quan đến hợp đồng về Gói thầu: Thiết kế và thi công nhà xưởng và nhà văn phòng thuộc Dự án: Nghiên cứu và sản xuất các thiết bị chiếu sáng, chip led siêu sáng và thiết bị điện tử công nghệ cao. Công ty chưa hoàn tất được hồ sơ để quyết toán giá trị vốn đầu tư công trình hoàn thành của dự án này. Trong năm, Công ty đã bù trừ chi phí phải trả ngắn hạn này với khoản phải thu khác chi hộ (Thuyết minh V.5) và trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh V.4) theo Quyết định của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang số 153/QĐ-DQH ngày 31 tháng 12 năm 2025. Số tiền chi phí phải trả Công ty Cổ phần Xây lắp Thương mại Chánh Phúc còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7.394.486.170 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Bên thứ ba		
Công trình AMANA HOTEL Phan Thiết	-	4.001.246.869
Công trình khác	9.680.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.680.000</u></b>	<b><u>4.001.246.869</u></b>

**17. Phải trả khác**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
<b>Ngắn hạn - Bên thứ ba</b>	<b>23.634.336.765</b>	<b>22.009.124.419</b>
Kinh phí công đoàn	3.788.666.299	3.520.896.258
Phải nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	331.409.600	143.619.851
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	10.193.318.034	10.193.310.333
Nhận lý quỹ, ký cược ngắn hạn	4.381.232.000	4.381.232.000
Phải trả ngắn hạn khác	4.939.710.832	3.770.065.977
<b>Dài hạn - Bên thứ ba</b>	<b>239.000.000</b>	<b>239.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	239.000.000	239.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>23.873.336.765</u></b>	<b><u>22.248.124.419</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản phải trả khác nào quá hạn thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**18. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2025		31/12/2025	
	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
<b>Vay ngắn hạn – Bên thứ ba</b>				
<b>Ngắn hạn</b>	<b>158.426.682.278</b>	<b>340.523.636.937</b>	<b>270.042.675.409</b>	<b>87.945.720.750</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	154.580.758.326	336.677.712.985	266.196.751.446	84.099.796.787
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (ii)	72.281.105.717	123.341.283.732	114.859.409.758	63.799.231.743
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (iii)	12.585.472.738	60.335.388.231	47.749.915.493	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iv)	-	30.717.480.457	30.717.480.457	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (v)	9.756.147.133	31.078.620.366	30.612.484.798	9.290.011.565
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (vi)	9.839.515.695	22.368.540.160	17.122.280.490	4.593.256.025
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (vii)	15.934.371.999	26.262.233.942	16.745.159.397	6.417.297.454
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	27.418.186.892	35.808.207.945	8.390.021.053	-
Vay cá nhân	5.710.958.153	5.710.958.153	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.054.999.999	1.054.999.999	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn (viii)	<b>3.845.923.952</b>	<b>3.845.923.952</b>	<b>3.845.923.963</b>	<b>3.845.923.963</b>
Vay dài hạn – Bên thứ ba	3.845.923.963	3.845.923.963	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn (viii)	3.845.923.963	3.845.923.963	-	-
<b>Cộng</b>	<b>162.272.606.241</b>	<b>344.369.560.900</b>	<b>270.042.675.409</b>	<b>87.945.720.750</b>

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 25.5229607/2025-HĐCVHM/NHCT900-DIENQUANG ngày 15 tháng 01 năm 2025 với hạn mức cho vay là 80.000.000.000 đồng. Thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ và lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh các thiết bị điện/điện tử. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 63.799.231.743 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 1401LAV240022238 ngày 29 tháng 03 năm 2024 với tổng hạn mức cấp tín dụng là 150.000.000.000 đồng. Thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ và lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Trong năm 2025, Công ty đã tất toán khoản vay này.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức theo hợp đồng Cấp tín dụng số 01/CV - 038/016/24/048 ngày 30 tháng 09 năm 2024 với hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng. Thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi suất vay theo từng Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C mua nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực chiếu sáng và thiết bị điện của Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Trong năm 2025 Công ty đã tất toán khoản vay này.
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho vay số 69/27200399/24-DN1/N-CTD ngày 11 tháng 09 năm 2024 với hạn mức cho vay là 15.000.000.000 đồng, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 12 tháng, lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân vốn cho vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 9.290.011.565 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản như sau:
- + Quyền sử dụng đất và đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 91-93 đường D1, Khu dân cư Him Lam, phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh; và
  - + Thế chấp tài sản là Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 21631/25MN/HĐTĐ ngày 16 tháng 09 năm 2025, tổng hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba gồm Bất động sản tọa lạc tại Căn hộ chung cư số C14.4 khu chung cư Riverpark (H18), phường Tân Hưng (phường Tân Phong, Quận 7 cũ), TP. Hồ Chí Minh. Số dư gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4.593.256.025 đồng.
- (vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng cấp tín dụng số PMH20253215123/HDTD ngày 09 tháng 06 năm 2025, tổng hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng, lãi suất vay theo từng lần giải ngân, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng không qua 12 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 6.417.297.454 đồng.
- (vii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 1047310.24 ngày 27 tháng 03 năm 2024 với hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi suất vay theo từng Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C mua nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực chiếu sáng và thiết bị điện của Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Trong năm 2025, Công ty đã tất toán khoản vay này.
- (viii) Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay số: DSG/HĐTĐ/CNCDIENQUANG/202110 ngày 12/10/2021. Lãi suất cố định 7,5%/năm trong khoảng thời gian 60 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 3.845.923.963 đồng được phân loại thành Vay dài hạn đến hạn trả.
- Khoản vay này được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số DSG/HĐTĐ/CNCDIENQUANG/202304 thế chấp Toàn bộ máy móc, thiết bị được hình thành từ việc nhập khẩu máy móc theo hợp đồng mua bán số NO.DQ052021PN ngày 24 tháng 6 năm 2021 với giá trị tài sản thế chấp là 1.080.653 đô la Mỹ chi tiết như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	Tài sản	Số lượng	Đơn vị tính	Giá trị (USD)
01	Panasonic Screen printer SPG2	1	Bộ	82.596
02	Panasonic Production Modular NPM-DX (16-16-16-16)	1	Bộ	373.475
03	Panasonic Production Modular NPM-WX (8-4T)	1	Bộ	373.908
04	Koh Young 3D Solder Paste Inspection (SPI) System	1	Bộ	63.657
05	Koh Young 3D Automatic Optical Inspection (AOI) System	1	Bộ	104.742
06	NG Buffer Machine (for NG PCB Stock and Review Station Integration)	1	Bộ	10.995
07	Heller Brand Reflow System	1	Bộ	71.280
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.080.653</b>

**19. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	01/01/2025	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	31/12/2025
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	2.862.667.744	2.138.172.956	-	863.243.061	4.137.597.639
<b>Cộng</b>	<b>2.862.667.744</b>	<b>2.138.172.956</b>	<b>-</b>	<b>863.243.061</b>	<b>4.137.597.639</b>

**20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm liên quan đến các khoản dự phòng/hoàn nhập tổn thất đầu tư và nợ phải thu khó đòi công ty con, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.800.000.000	1.777.208.288
Phát sinh trong năm	1.605.385.140	22.791.712
Hoàn nhập trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.405.385.140</b>	<b>1.800.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

21. Vốn chủ sở hữu						Đơn vị tính: VND		
	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đồng thiểu số	Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	343.594.160.000	344.394.675.475	(167.011.563.046)	324.898.570.082	36.743.848.185	12.835.535.054	895.455.225.750	
Lợi nhuận năm trước					(122.564.233.007)	657.756.359	(121.906.476.648)	
Số dư cuối năm trước	343.594.160.000	344.394.675.475	(167.011.563.046)	324.898.570.082	(85.820.384.822)	13.493.291.413	773.548.749.102	
Lợi nhuận trong năm nay				320.476.196	3.395.931.337	1.471.773.575	4.867.704.912	
Trích Quỹ đầu tư phát triển				(320.476.196)			-	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi					(951.258.406)	(913.954.155)	(1.865.212.561)	
Trả cổ tức bằng tiền						(1.543.912.623)	(1.543.912.623)	
Số dư cuối năm	343.594.160.000	344.394.675.475	(167.011.563.046)	325.219.046.278	(83.696.188.087)	12.507.198.210	775.007.328.830	
b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu								
					31/12/2025 VND	Tỷ lệ %	01/01/2025 VND	Tỷ lệ %
Ông Hồ Quỳnh Hưng					25.179.930.000	7,33	25.179.930.000	7,33
Bà Nguyễn Thái Nga					32.456.320.000	9,45	41.256.320.000	12,01
Bà Nguyễn Thái Quỳnh Lê					22.304.170.000	6,49	22.304.170.000	6,49
Bà Trần Thị Linh					3.497.720.000	1,02	29.574.720.000	8,61
Bà Bùi Thị Hiền					20.300.000.000	5,91	-	0,00
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Điện Quang					43.319.780.000	12,6	23.100.040.000	6,72
Vốn góp của các cổ đông khác					128.522.740.000	37,41	134.165.480.000	39,05
Cổ phiếu quỹ					68.013.500.000	19,79	68.013.500.000	19,79
<b>Cộng</b>					<b>343.594.160.000</b>	<b>100</b>	<b>343.594.160.000</b>	<b>100</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	
Vốn góp đầu năm	343.594.160.000	343.594.160.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	343.594.160.000	343.594.160.000
<b>d) Cổ phiếu</b>		
	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.359.416	34.359.416
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.359.416	34.359.416
- Cổ phiếu phổ thông	34.359.416	34.359.416
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	6.801.350	6.801.350
- Cổ phiếu phổ thông	6.801.350	6.801.350
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.558.066	27.558.066
- Cổ phiếu phổ thông	27.558.066	27.558.066
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)		

22. Nguồn kinh phí	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	5.088.530.466	5.088.530.466
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	5.088.530.466	5.088.530.466

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
a) Nợ khó đòi đã xử lý	17.727.837.341	17.727.837.341
b) Ngoại tệ các loại :		
+ USD	164.571,38	314.341,96
+ EUR	249,94	369,99
+ BSF	-	43.838,38

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng nội địa	684.681.863.270	687.986.208.591
Doanh thu xuất khẩu	191.115.375.573	73.921.348.916
Doanh thu dịch vụ xây lắp - công trình	17.593.590.743	28.669.961.017
Doanh thu khác	35.800.364.119	33.463.193.468
<b>Cộng</b>	<b>929.191.193.705</b>	<b>824.040.711.992</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

b) Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VIII.2	67.031.692.614	22.857.495.994
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chiết khấu thương mại	723.860.991	1.780.957.306
Hàng bán bị trả lại	8.713.177.659	8.631.722.599
<b>Cộng</b>	<b>9.437.038.650</b>	<b>10.412.679.905</b>
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu thuần bán hàng nội địa	675.244.824.620	677.573.528.686
Doanh thu thuần bán hàng xuất khẩu	191.115.375.573	73.921.348.916
Doanh thu thuần dịch vụ xây lắp - công trình	17.593.590.743	28.669.961.017
Doanh thu thuần khác	35.800.364.119	33.463.193.468
<b>Cộng</b>	<b>919.754.155.055</b>	<b>813.628.032.087</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn bán thành phẩm hàng hóa	536.565.644.842	528.711.402.711
Giá vốn xuất khẩu	140.939.189.991	47.335.344.538
Giá vốn xây lắp - công trình	16.183.551.878	25.788.778.198
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.530.718.186	5.601.881.666
Giá vốn khác	24.921.962.117	21.836.250.469
<b>Cộng</b>	<b>720.141.067.014</b>	<b>629.273.657.582</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.189.225.974	1.776.748.870
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	1.824.900.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.622.940	1.231.380.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.908.170.546	4.449.456.170
<b>Cộng</b>	<b>6.108.019.460</b>	<b>9.282.485.040</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	7.676.767.990	6.059.314.583
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.624.608.228	5.091.283.918
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	21.771.525.084	17.091.735.490
<b>Cộng</b>	<b>31.072.901.302</b>	<b>28.242.333.991</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>a) Chi phí bán hàng</b>	<b>121.645.400.560</b>	<b>104.677.919.537</b>
Chi phí lương, bảo hiểm	47.695.961.317	46.626.867.894
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.575.636	156.011.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.996.624	156.725.174
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng bảo hành	1.274.929.895	(3.493.159)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.527.544.218	18.749.949.952
Chi phí bán hàng khác	57.985.392.870	38.991.858.173
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>59.112.509.856</b>	<b>185.511.607.638</b>
Chi phí lương, bảo hiểm	28.599.218.940	32.351.230.038
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.699.394.908	2.693.516.932
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.271.603.019	12.972.650.478
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.741.744.702)	105.384.265.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.329.874.545	7.996.018.566
Chi phí quản lý khác	17.954.163.146	24.113.926.002

**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	17.762.375.705	2.868.181.819
Các khoản khác	369.129.403	176.984.010
<b>Cộng</b>	<b>18.131.505.108</b>	<b>3.045.165.829</b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản bị phạt	76.567.713	187.661.508
Chi phí khác	28.021.110	109.337.240
<b>Cộng</b>	<b>104.588.823</b>	<b>296.998.748</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.958.869.397	1.049.220.974
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>8.958.869.397</b>	<b>1.049.220.974</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con	-	(113.958.561)
- Hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi công ty con	(8.026.925.701)	-
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(1.605.385.140)</b>	<b>(22.791.712)</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.395.931.337	(122.564.233.007)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.395.931.337	(122.564.233.007)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.558.066	27.558.066
<b>Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>123</b>	<b>(4.447)</b>

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	252.160.490.755	399.622.864.898
Chi phí nhân công	107.736.165.934	99.226.204.352
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.056.908.647	26.953.392.753
Chi phí dự phòng	6.090.829.080	110.982.654.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.687.898.050	51.774.428.070
Chi phí khác bằng tiền	79.041.285.237	64.438.601.321
<b>Cộng</b>	<b>501.773.577.703</b>	<b>752.998.145.523</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay	Năm trước
Vay theo kế ước thông thường	266.196.751.446	375.665.341.413

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm nay	Năm trước
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(340.523.636.937)	(463.915.422.837)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**VIII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Điện Quang	Công ty liên kết

**1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong năm đơn vị không phát sinh giao dịch với bên liên quan là các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan không còn số dư.

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

Thù lao của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách Quản trị Công ty trong năm 2025 là 2.174.195.000 đồng (năm 2024 là 2.235.934.667 đồng). Chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
1	Ông Hồ Quỳnh Hưng	Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật	344.000.000	344.000.000
2	Bà Nguyễn Thái Nga	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	286.680.000	286.680.000
3	Ông Dương Hồ Thắng	Thành viên HĐQT	286.680.000	286.680.000
4	Ông Hồ Vĩnh Phương	Thành viên HĐQT	286.680.000	286.680.000
5	Bà Trần Thị Ngà Huế	Thành viên HĐQT	286.680.000	286.680.000
6	Bà Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng BKS	511.475.000	501.548.000
7	Ông Ngô Đức Thọ	Thành viên BKS	86.000.000	86.000.000
8	Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên BKS	86.000.000	86.000.000
9	Ông Nguyễn Thành Trung	Thư ký HĐQT, Người phụ trách quản trị công ty	-	71.666.667
	<b>Cộng</b>		<b>2.174.195.000</b>	<b>2.235.934.667</b>

Tiền lương, thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị có tham gia điều hành và Ban điều hành trong năm 2025 là 5.371.269.000 đồng (năm 2024 là 4.352.800.000 đồng). Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Quốc Toàn	Tổng Giám đốc	1.170.140.000	1.000.653.000
Những người quản lý khác		4.201.129.000	3.352.147.000
<b>Cộng</b>		<b>5.371.269.000</b>	<b>4.352.800.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, công ty có phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b> Công ty CP Đầu tư và Thương mại Điện Quang	Bên liên quan	129.746.167.926	70.926.264.721
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> Công ty CP Đầu tư và Thương mại Điện Quang	Bên liên quan	67.031.692.614	22.857.495.994
<b>Cổ tức được chia</b> Công ty CP Đầu tư và Thương mại Điện Quang	Bên liên quan	1.197.000.000	1.197.000.000
<b>Hoạt động khác</b> Công ty CP Đầu tư và Thương mại Điện Quang	Bên liên quan	60.000.000	-

**3. Số dư công nợ với các bên liên quan**

Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

**Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Điện Quang	9.490.789.016	15.004.873.714
<b>Cộng</b>	<b>9.490.789.016</b>	<b>15.004.873.714</b>

**IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Sản phẩm hàng hóa của Công ty chủ yếu được cung cấp tại một số khu vực địa lý, nhưng không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán các loại sản phẩm điện, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**3. Tài sản đảm bảo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có tài sản đảm bảo cho các khoản nợ được trình bày tại mục V.18. Trong đó, một số khoản vay được đảm bảo bằng bằng tài sản của ông Phan Ngọc Huy và bà Trần Đoàn Phương Linh. Đây là thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang (Công ty con). Và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

**4. Các cam kết**

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang (Công ty con) có khoản nợ phải thu Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khang Thông số tiền 2.885.956.272 đồng, đã quá hạn thanh toán, được đảm bảo bằng tài sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Phú An, theo thỏa thuận ba bên số 01/2024/ĐQ-KT-PA ngày 24 tháng 07 năm 2024, về việc Chuyển giao nghĩa vụ thanh toán công nợ. Theo thỏa thuận Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Phú An (viết tắt là Phú An) sẽ thanh toán khoản công nợ với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang thay cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khang Thông bằng tài sản quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của Phú An là ba lô đất nền C35, C36, C37 (diện tích mỗi lô là 100 m<sup>2</sup>) tại vị trí Khu C thuộc thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 581715, BC 581714, BC 581713, BD 373402, BD 374303 do UBND Tỉnh Long An cấp ngày 10 tháng 08 năm 2010 và ngày 28 tháng 03 năm 2011. Thửa đất này được thực hiện làm Dự án Khu dân cư nhà vườn Thạnh Đức, xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh (xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cũ) do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Phú An làm chủ đầu tư, theo quyết định phê duyệt tỷ lệ 1/500 số 255/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2009 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 và Giấy chứng nhận đầu tư số 50121000161 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 13/10/2009. Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang đã đánh giá và nhận thấy giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo cao hơn giá trị khoản phải thu, theo đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu nêu trên.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Ái

Kế toán trưởng

Lê Thị Kim Chi



Tổng Giám đốc

Trần Quốc Toàn

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

